

Số: 2089 /QĐ-ĐHSP

Thái Nguyên, ngày 01 tháng 7 năm 2026

QUYẾT ĐỊNH

**Phê duyệt danh sách thí sinh đủ điều kiện tham gia kì thi
“Đánh giá năng lực tiếng Việt theo Khung năng lực tiếng Việt dùng cho
người nước ngoài Đợt 2, năm 2026, kì thi ngày 07-08/7/2026” tại
Trường Đại học Sư phạm – Đại học Thái Nguyên**

HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG ĐẠI HỌC SƯ PHẠM

Căn cứ Nghị định số 31/CP ngày 04 tháng 4 năm 1994 của Chính phủ về việc thành lập Đại học Thái Nguyên;

Căn cứ Thông tư số 10/2020/TT-BGDĐT ngày 14 tháng 5 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và đào tạo về việc Ban hành quy chế tổ chức và hoạt động của đại học vùng và các cơ sở giáo dục đại học thành viên;

Căn cứ Nghị quyết số 39/NQ-HĐĐHTN ngày 19 tháng 11 năm 2021 của Hội đồng Đại học Thái Nguyên về việc ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của Đại học Thái Nguyên;

Căn cứ Nghị quyết số 40/NQ-HĐT ngày 29 tháng 12 năm 2020 của Hội đồng trường Trường Đại học Sư phạm ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của Trường Đại học Sư phạm; Nghị quyết số 116/NQ-HĐT ngày 30 tháng 12 năm 2025 của Hội đồng trường Trường Đại học Sư phạm về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị quyết số 40/NQ-HĐT ngày 29 tháng 12 năm 2020 của Hội đồng trường ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của Trường Đại học Sư phạm;

Căn cứ Quyết định số 2135/QĐ-ĐHSP ngày 31 tháng 8 năm 2022 của Hiệu trưởng Trường Đại học Sư phạm về việc ban hành Quy trình tổ chức thi đánh giá năng lực tiếng Việt theo Khung năng lực tiếng Việt dùng cho người nước ngoài;

Căn cứ vào Quyết định số 1938/QĐ-ĐHSP ngày 18 tháng 6 năm 2026 của Hiệu trưởng Trường Đại học Sư phạm - Đại học Thái Nguyên về việc thành lập Hội đồng xét duyệt hồ sơ thi của người nước ngoài đăng kí dự thi kì thi “Đánh giá năng lực tiếng Việt theo Khung năng lực tiếng Việt dùng cho người nước ngoài, Đợt 2, năm 2026, kì thi ngày 07-08/7/2026” tại Trường Đại học Sư phạm - ĐHTN;

Căn cứ Biên bản họp hội đồng ngày 30 tháng 06 năm 2026 về việc xét duyệt hồ sơ thi của người nước ngoài đăng kí dự thi kì thi “Đánh giá năng lực tiếng Việt theo



Khung năng lực tiếng Việt dùng cho người nước ngoài, Đợt 2, năm 2026, kì thi ngày 07-08/7/2026” tại Trường Đại học Sư phạm- Đại học Thái Nguyên;

Theo đề nghị của Giám đốc Trung tâm Hợp tác quốc tế và đào tạo, bồi dưỡng tiếng Việt cho người nước ngoài.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt danh sách thí sinh đủ điều kiện tham gia kì thi “Đánh giá năng lực tiếng Việt theo Khung năng lực tiếng Việt dùng cho người nước ngoài, Đợt 2, năm 2026, kì thi ngày 07-08/7/2026”. Cụ thể như sau:

- Tổng số ứng viên đăng kí tham gia kì thi: 68 ứng viên.
- Tổng số thí sinh đủ điều kiện tham gia kì thi: 68 thí sinh (Có danh sách kèm theo).

Điều 2. Giao Hội đồng thi và các Ban giúp việc cho Hội đồng tổ chức kì thi “Đánh giá năng lực tiếng Việt theo Khung năng lực tiếng Việt dùng cho người nước ngoài, Đợt 2, năm 2026, kì thi ngày 07-08/7/2026” đối với 68 thí sinh đủ điều kiện tại Điều 1 theo quy định.

Điều 3. Giám đốc Trung tâm Hợp tác quốc tế và Đào tạo, Bồi dưỡng tiếng Việt cho người nước ngoài, Hội đồng thi, các Ban giúp việc cho Hội đồng và các thí sinh có tên tại Điều 1 chịu trách nhiệm thi hành quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3 (để th/h);
- Các Phó Hiệu trưởng (để ph/hợp ch/dạo);
- Lưu: VT, TT HTQT-ĐTTV (3).

HIỆU TRƯỞNG



PGS.TS. Mai Xuân Trường

ĐẠI HỌC THÁI NGUYÊN
TRƯỜNG ĐẠI HỌC SƯ PHẠM

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

**DANH SÁCH THÍ SINH ĐỦ ĐIỀU KIỆN THAM DỰ THI KÌ THI
"ĐÁNH GIÁ NĂNG LỰC TIẾNG VIỆT THEO KHUNG NĂNG LỰC
TIẾNG VIỆT DÙNG CHO NGƯỜI NƯỚC NGOÀI ĐỢT 2, NĂM 2026,
KỲ THI NGÀY 07-08/7/2026"**

(Kèm theo Quyết định số 2089 /QĐ-ĐHSP ngày 01 tháng 7 năm 2026 của Hiệu trưởng Trường Đại học Sư phạm - ĐHTN)

TT	SBD	Họ và tên	Ngày sinh	Giới tính	Số hộ chiếu	Quốc tịch
1	262001	JAMAL KHALIL AHMED ALOMARI	14/09/2006	Nam	10425737	Palestine
2	262002	SOUKCHALERN AMPHAVAN	08/09/2005	Nam	P 3124533	Lào
3	262003	MANIVONG ANOUSONE	28/07/2007	Nam	PA 0498714	Lào
4	262004	XAIYAKET ARNON	22/02/2008	Nam	P 3399797	Lào
5	262005	YIAKOU AYATHOR	08/05/2007	Nam	P 3344965	Lào
6	262006	PHOMLIKHIT BANNAVONG	10/09/2007	Nam	P 3318365	Lào
7	262007	SANMANICHITTAVONG BOUASOUK	03/03/2003	Nữ	P 3240137	Lào
8	262008	SONTHONGBOULOM BOUNMY	24/02/1986	Nữ	PA 0523869	Lào
9	262009	APHASOUK BOUNNAO	04/04/1991	Nam	P 3310153	Lào
10	262010	INTHAVONG BOUNTHAVY	15/01/2007	Nam	P 2999979	Lào
11	262011	XASING BOUNTHAVY	23/01/1995	Nữ	PA 0125400	Lào
12	262012	MANISENG BOUNYASENG	08/12/2007	Nam	P 2856972	Lào
13	262013	PHANTHAVONG DAVANH	20/05/2007	Nam	P 3415535	Lào
14	262014	ANUCHKINA ELIZAVETA	22/12/2004	Nữ	77 3821508	Liên Bang Nga

TT	SBD	Họ và tên	Ngày sinh	Giới tính	Số hộ chiếu	Quốc tịch
15	262015	ARTSIBASOV GERALD	28/02/2007	Nam	77 6788041	Liên Bang Nga
16	262016	MOHAMMED HOSNI SALIMIA HUSSEIN	28/07/2007	Nam	10797122	Palestine
17	262017	KEOLUANGKHOT INTHAVA	15/12/2007	Nữ	P 3325407	Lào
18	262018	XOUMPHONPHAKDY KEOMANIXAY	08/04/2008	Nữ	P 2963595	Lào
19	262019	LOUANGPANYA KIEDITISACK	20/09/2008	Nam	P 3250051	Lào
20	262020	PHENGSOUMMA KOUNGSEIN	09/10/2007	Nam	P 3091652	Lào
21	262021	INKHAVILAY KHAMSOUPHAXAY	17/01/2009	Nam	P 3314159	Lào
22	262022	CHANTHAPHONE KHAMXAY	11/11/2007	Nam	PA 0499851	Lào
23	262023	SYKOUNLABOUD KHANTAVAHN	20/11/2007	Nữ	P 3228394	Lào
24	262024	BYEIBITKHAN KHARAKHAT	01/12/2004	Nữ	E2899540	Mông Cổ
25	262025	THONGPHET KHEUN	02/05/2007	Nữ	P 3382048	Lào
26	262026	SI AKKHASONE KHOUNLADSAMEE	04/04/2008	Nam	P 3342437	Lào
27	262027	PHOUANGKHAMPHENG LOUNPHONE	01/03/2008	Nam	P 3351605	Lào
28	262028	SAISANA MACK	06/08/2006	Nam	P 3340285	Lào
29	262029	BANZRAGCH MARALJIN	08/09/2006	Nữ	PE0631667	Mông Cổ
30	262030	YATHORTOU MENG	08/07/2000	Nam	P 2847897	Lào
31	262031	ISSAM FARAH HAMDALLAH MOHAMMED	03/03/2007	Nam	10388339	Palestine
32	262032	ENKHJIN MURUN	26/04/1988	Nữ	E2776108	Mông cổ
33	262033	AIÚBA NAUCHADE MOMADE	03/12/2006	Nam	AB1830592	Mô-dăm-bích
34	262034	CHANTHAVONG NILAMIT	07/12/1993	Nam	P 3348359	Lào

TT	SBD	Họ và tên		Ngày sinh	Giới tính	Số hộ chiếu	Quốc tịch
35	262035	KHANGURA	NIRINDER GENE	24/02/2002	Nữ	P4690839C	Philippines
36	262036	INTHAVONG	PALITA	26/02/2008	Nữ	P 2789845	Lào
37	262037	VONGSAVATH	PARNTAVANH	08/12/2005	Nữ	P 2584756	Lào
38	262038	XARDXAIY	PATHONG	15/05/2007	Nữ	P 3378236	Lào
39	262039	SOUTTHIPHANH	PINYAH	01/03/2007	Nữ	P 3309262	Lào
40	262040	CHANTHAPHENG	PHASOUK	23/06/2006	Nam	P 2870450	Lào
41	262041	SOUTHAMMAVONG	PHETPASERT	12/04/2007	Nam	PA 0498687	Lào
42	262042	SENGMAI	PHETSAVANH	15/02/1989	Nữ	P 3310990	Lào
43	262043	THAMMAVONGSA	PHITSAMAY	26/04/2006	Nữ	P 2715291	Lào
44	262044	KEANPASERT	PHONGSATHONE	13/05/1993	Nam	P 3337620	Lào
45	262045	PHONESAVATH	SENGKHAM	08/08/2006	Nam	P 3307638	Lào
46	262046	KEOPHONGSAY	SIPASEUTH	26/10/2006	Nam	P 3109825	Lào
47	262047	VONGTHAVONE	SITTHIDET	14/12/2007	Nam	P 2932923	Lào
48	262048	SIPHONXAY	SOKXAY	21/11/2006	Nam	P 2760149	Lào
49	262049	SIHAVONG	SOMLIKHITH	20/10/2007	Nam	P 2469708	Lào
50	262050	SORLASIN	SOMMAIY	30/05/2004	Nam	P 3201785	Lào
51	262051	PHOUANGSALIPHANT	SOMMID	09/08/2008	Nam	P 3307656	Lào
52	262052	KEOKHAMPHAI	SOMXAY	14/05/1994	Nam	P 3315118	Lào
53	262053	SIVILAY	SONETHANOU	14/09/2002	Nam	P 3280884	Lào
54	262054	VONGPHOUTHONE	SOUKPASEUTH	18/05/2007	Nam	P 3330710	Lào

TT	SBD	Họ và tên		Ngày sinh	Giới tính	Số hộ chiếu	Quốc tịch
55	262055	KEOVILAY	SOUKSAVANH	03/06/2006	Nam	P 2769069	Lào
56	262056	SORPHAPMIXAY	SOUKTHAVY	17/08/2007	Nam	PA 0498707	Lào
57	262057	NAPHAIVONG	SOULISA	01/09/2007	Nữ	P 2719810	Lào
58	262058	DOUANGMALA	TANOY	18/01/2008	Nữ	P 3334521	Lào
59	262059	IYA	TOUY	10/02/2008	Nữ	P 3413920	Lào
60	262060	VONGPHACHAN	THANUSIN	03/04/2008	Nam	P 3304917	Lào
61	262061	LOVONGSA	THAVIXAY	22/12/2003	Nam	P 2810823	Lào
62	262062	XIENGMANH	THEPPHITHACK	20/02/2006	Nam	P 3119329	Lào
63	262063	SILISENG	THIPPHAVONE	13/12/2007	Nữ	P 3026471	Lào
64	262064	INTHAVONGSA	VANHNALAY	08/07/1995	Nữ	PA 0284566	Lào
65	262065	BOUNNANO	VONGSENG	22/11/1986	Nam	P 2001712	Lào
66	262066	K. W. HAJABED	WALEED	06/09/2006	Nam	No 6100915	Palestine
67	262067	YANG,	YUFENG	13/08/2004	Nữ	EN6313957	Trung Quốc
68	262068	MEDVEDEVA	ZOYA	15/05/2003	Nữ	76 5403814	Liên Bang Nga

Ấn định danh sách gồm 68 thí sinh./.

Qua